TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:177/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 8 -2022
Về "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mai Khanh
Ông Mai Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bảo Châu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2022 về "*Xin ly hôn*" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 171/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị S, sinh ngày 10/7/1995; có đơn xin xử vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm Hồng Sơn, xã Thượng Tân Lộc (xóm 9, xã Nam Lộc cũ), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;

Nơi thường trú: Xóm Đại Thắng, xã Thượng Tân Lộc (xóm 7, xã Nam Lộc cũ), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;

- *Bị đơn:*Anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 03/9/1991;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi xuất cảnh: Xóm Hồng Sơn, xã Thượng Tân Lộc (Xóm 9, xã Nam Lộc cũ), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;

Hiện đang ở Đài Loan (không rõ địa chỉ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Lộc (nay là xã Thượng Tân Lộc), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An ngày 06/11/2017. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hòa thuận với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau. Năm 2019 anh B

đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó, vợ chồng không liên lạc với nhau cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trần Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Văn B chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh B vắng mặt. Chị S không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh B cư trú, chỉ biết anh B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2019 đến nay. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy báo tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo cho anh B thông qua mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Cần, Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu bà Cần cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn. Tuy nhiên, bà Cần cho biết anh B ở Đài Loan, thỉnh thoảng liên lạc về với bà qua mạng xã hội, nhưng không cho chị biết địa chỉ cụ thể của anh B nên bà không không cung cấp cho Tòa án được. Bà Cần đã thông báo cho anh B biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị S với anh B. Anh S không trao đổi gì với bà về việc chị S xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được mẹ đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc chị Trần Thị S xin ly hôn, nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Trần Thị S và anh Nguyễn Văn B có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An vào ngày 06/11/2017, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Chị S và anh B cắt đứt mọi quan hệ và không liên lạc với nhau từ khi anh B đi S Đài Loan từ cuối năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về "Xin ly hôn" giữa nguyên đơn chị Trần Thị S và bị đơn anh Nguyễn Văn B; chị S và anh B có hộ khẩu thường trú tại xóm Hồng Sơn, xã Thượng Tân Lộc (xóm 9, xã Nam Lộc cũ), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; Theo thông tin của cục xuất nhập cảnh cho biết, anh Nguyễn Văn B đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay Nội Bài lần cuối là ngày 13/9/2019 đến nay chưa nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Cần là mẹ đẻ của anh B và yêu cầu cung cấp địa chỉ, tin tức của anh B và thông báo cho anh B biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị S và anh B. Tuy nhiên, bà Cần không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh B do anh B không cho bà biết; bà Cần cho biết bà đã cung cấp các thông tin về việc Tòa án đang thụ lý và giải quyết việc chị S xin ly hôn anh B. Nhưng anh B cũng không có ý kiến phản hồi gì. Đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh B liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng anh B trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228, vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Lộc (nay là xã Thượng Tân Lộc), huyện Nam Đàn. Năm 2019, anh B xuất khẩu lao động tại Đài Loan và kể từ đó, hai người không liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tôn trọng lẫn nhau. Nay, chị S không còn tình cảm vợ chồng với anh B nữa, mục đích hôn nhân

không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn B theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Chị S và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị S và anh B có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Chị S và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị S và anh B có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011833 ngày 06/4/2022.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thượng Tân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Anh Sơn